TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN P** THÀNH PHỐ H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 280/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 4 - 2023.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P, THÀNH PHỐ H

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thức;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Duy – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận P, TP. H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 231/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm (có mặt);
Địa chỉ: 244/35 T, phường P, quận P, Thành phố H.
- *Bị đơn*: Ông Trần Văn T, sinh năm (vắng mặt);
Địa chỉ: 244/35 T, phường P, quận P, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 03/3/2022; các bản tự khai vào các ngày 16/6/2022, 22/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: năm 2007, bà H và ông T tổ chức lễ cưới và được Ủy ban nhân dân phường H, quận P, Thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 121 Quyển số 01/2007 vào ngày 12/10/2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chính là do ông T hay uống rượu bia, không lo làm ăn, tuy sống chung nhưng vợ chồng không có ngủ chung, do cuộc sống chung không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2010 đến nay, trong thời gian ly thân không ai thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nhận thấy, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng khó hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy bà yêu cầu xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà H khai nhận không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác nhận không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 22/11/2022; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn ông Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác nhận bà H trình bày về quá trình kết hôn và chung sống là đúng. Trong quá trình chung sống ông và bà H có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, giữa vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ông T đã sống ly thân với bà H từ nhiều năm nay. Tuy nhiên, ông T nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông T không đồng ý ly hôn với bà H, ông T xác nhận chỉ đồng ý ly hôn tùy theo sự phán quyết của Tòa án.

Về con chung: Ông T khai nhận không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác nhận không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân quận P, TP. H đã tiến hành hòa giải nhưng ông Trần Văn T vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, Nguyên đơn chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn được Tòa án triệu tập

hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp; Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014 đề nghị hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu của bà H: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T. Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét quyết quyết; Về án phí: Bà H phải chịu và tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 121 Quyển số 01/2007 vào ngày 12/10/2007 của Ủy ban nhân dân phường H, quận P, Thành phố H thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Trần Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông T hiện đang cư ngụ tại quận P, Thành phố H trước khi thụ lý nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quận P, Thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Thủ tục xét xử vắng mặt Đương sự:

[2.1] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng từ sau khi Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 22/12/2022 đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân quận P tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 177; khoản 2 Điều 220; khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 3 Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét việc bà Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn T: Căn cứ lời khai của bà H và ông T xét thấy tình trạng mâu thuẫn hôn nhân giữa bà H và ông T là có thật. Cuộc sống vợ chồng có xảy ra những mâu thuẫn, nguyên nhân do lối sống không phù hợp, thường xuyên cãi vã về cách sống, công việc dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 kéo dài đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T vắng mặt. Điều đó thể hiện ông T không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, bà H cho rằng hiện nay không còn tình cảm với ông T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà H và ông T đã thực sự trầm trọng, không còn

khả năng hàn gắn. bà H yêu cầu ly hôn ông T là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về quan hệ con chung:

Xét bà H khai nhận không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: hai bên xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0035168 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***** Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

***** Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với ông Trần Văn T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Trần Văn T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 121 Quyển số 01/2007 vào ngày 12/10/2007 của Ủy ban nhân dân phường H, quận P, Thành phố H cấp chấm dứt hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2/ Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0035168 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P).

3/ Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. H;
- VKSND quận P;
- UBND P. H, Q. P;
- Chi cục THADS quận P;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đức Thành